



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Enhancing the quality of the journal of educational science to meet Scopus and Web of Science standards: The case of HNUE Journal of Educational Science

Article info

Type of article:

Scientific information

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.255-262>

*Corresponding author:

Email address:

hahh@hnue.edu.vn

Received: 11/08/2026

Received in Revised Form:

28/08/2026

Accepted: 14/09/2026

Nguyen Duc Son, Hoang Hai Ha*, Trinh Khanh Hien

Hanoi National University of Education, 136 Xuan Thuy Street, Cau Giay Ward, Hanoi, Vietnam

Abstract: In the context of academic standardization and international integration, enhancing the quality of Vietnamese journals in educational science should be approached as a comprehensive quality management challenge, rather than merely a process of completing application requirements for inclusion in international databases. This article analyzes the core requirements of Scopus and Web of Science for scientific journals, while also examining the specific characteristics of educational science, including contextual relevance, research methodologies, research ethics, internationalization of the author pool, and the cycle of impact generation. Based on a case study of HNUE Journal of Science: Educational Sciences (JoES), the article identifies existing strengths in publishing infrastructure, the peer-review process, and the composition of the Editorial Board, while also identifying gaps in operational data, author distribution, international peer reviewers, metadata, visibility, and citation impact. On this basis, the article proposes several priority directions, including data-driven governance, raising submission standards, developing an international network of authors and peer reviewers, standardizing metadata, and enhancing academic impact in alignment with the mission of teacher education and educational research at Hanoi National University of Education.

Keywords: educational science journals; Scopus; Web of Science; HNUE Journal of Science; internationalization; scholarly citations.



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học giáo dục theo chuẩn Scopus và Web of Science: Trường hợp HNUE Journal of Educational Science

Thông tin bài viết

Dạng bài viết:

Thông tin khoa học

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.255-262>

*Tác giả liên hệ:

Địa chỉ Email:

hahh@hnue.edu.vn

Ngày nộp bài: 11/08/2026

Ngày nộp bài sửa: 28/08/2026

Ngày chấp nhận: 14/09/2026

Nguyễn Đức Sơn, Hoàng Hải Hà*, Trịnh Khánh Hiền

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuẩn hóa và hội nhập học thuật, việc nâng cao chất lượng tạp chí khoa học giáo dục của Việt Nam cần được tiếp cận như một bài toán quản trị chất lượng toàn diện, thay vì chỉ là quá trình hoàn thiện hồ sơ để gia nhập các cơ sở dữ liệu quốc tế. Bài viết phân tích các nhóm yêu cầu cốt lõi của Scopus và Web of Science đối với tạp chí khoa học, đồng thời xem xét đặc thù của lĩnh vực khoa học giáo dục về tính bối cảnh, phương pháp nghiên cứu, đạo đức nghiên cứu, quốc tế hóa nguồn bài và chu kỳ tạo ảnh hưởng. Trên cơ sở nghiên cứu trường hợp HNUE Journal of Science: Educational Sciences (JoES), bài viết chỉ ra các lợi thế hiện có về hạ tầng xuất bản, quy trình phản biện và cơ cấu Hội đồng biên tập; đồng thời nhận diện những vấn đề đặt ra về dữ liệu vận hành, phân bố tác giả, phản biện quốc tế, metadata, khả năng hiển thị và ảnh hưởng trích dẫn. Từ đó, bài viết đề xuất định hướng ưu tiên gồm quản trị dựa trên dữ liệu, nâng chuẩn đầu vào, phát triển mạng lưới tác giả - phản biện quốc tế, chuẩn hóa metadata và tăng ảnh hưởng học thuật gắn với sứ mạng đào tạo giáo viên và nghiên cứu giáo dục của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ khóa: tạp chí khoa học giáo dục; Scopus; Web of Science; HNUE Journal of Science; quốc tế hóa; trích dẫn khoa học.

1. Mở đầu

Tạp chí khoa học là một thiết chế trung tâm của hệ sinh thái nghiên cứu, thực hiện đồng thời các chức năng lựa chọn, thẩm định, chuẩn hóa và phổ biến tri thức. Đối với một trường đại học sư phạm, tạp chí khoa học giáo dục còn có vai trò kết nối nghiên cứu với đào tạo giáo viên, đổi mới chương trình, quản trị nhà trường và thực hành giáo dục. Vì vậy, chất lượng tạp chí không chỉ được phản ánh qua số lượng bài xuất bản mà còn qua độ tin cậy của quy trình biên tập, mức độ mở của cộng đồng tác giả - phản biện, khả năng được tìm

thấy và ảnh hưởng khoa học, chính sách, thực hành giáo dục...

Việc được lựa chọn gia nhập cũng như duy trì chỗ đứng trong danh mục Scopus hoặc Web of Science (WoS) là kết quả của một quá trình phát triển có tính tích lũy hệ thống và đồng bộ của tạp chí chứ không phải của một vài điều chỉnh ngắn hạn hoặc những cải thiện mang tính đơn lẻ. Bởi, Scopus đánh giá tạp chí trên các nhóm tiêu chí liên quan đến chính sách tạp chí, chất lượng nội dung, vị thế học thuật, tính đều đặn và khả năng truy cập trực tuyến [1]. WoS sử dụng hệ thống 28 tiêu chí,

trong đó 24 tiêu chí chất lượng được xem xét trước các tiêu chí ảnh hưởng [2]. Điểm chung của hai hệ thống là yêu cầu tạp chí phải chứng minh chất lượng thông qua hoạt động thực tế, không chỉ qua các tuyên bố chính sách trên website.

Ở Việt Nam, Thông tư số 27/2025/TT-BKHCN về bài báo khoa học và đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học Việt Nam tạo thêm động lực chuẩn hóa theo hướng chú trọng nội dung học thuật, Hội đồng biên tập, phản biện, chuẩn xuất bản, tính minh bạch và chỉ mục [3]. Trong bối cảnh đó, việc xác định mục tiêu xây dựng Tạp chí khoa học giáo dục hội nhập quốc tế là hướng đi phù hợp với sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) có những điều kiện quan trọng để tham gia vào quá trình nâng cao chất lượng và quốc tế hóa hoạt động xuất bản khoa học. Là một cơ sở đào tạo và nghiên cứu sư phạm lớn, Nhà trường có đội ngũ chuyên gia và mạng lưới nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực giáo dục, tâm lý, quản lý giáo dục, phương pháp dạy học và các ngành khoa học tự nhiên-xã hội khác. Tạp chí Khoa học Trường ĐHSPHN là một trong những ấn phẩm khoa học ra đời sớm ở Việt Nam với khởi nguồn từ Tập san Đại học Sư phạm, được thành lập và phát hành số đầu tiên vào ngày 19 tháng 5 năm 1955 – đúng vào dịp kỷ niệm 65 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tạp chí có mục tiêu xuất bản những công trình nghiên cứu trong các lĩnh vực như Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội và Khoa học Giáo dục.

Tuy nhiên, việc nâng chuẩn đối với các tạp chí khoa học xã hội và khoa học giáo dục đặt ra những yêu cầu cần được xem xét trong mối quan hệ với đặc điểm của chính các lĩnh vực này. Do đó, quá trình hướng tới các chuẩn mực quốc tế không chỉ đặt ra yêu cầu về chuẩn hóa hoạt động xuất bản, mà còn đòi hỏi tạp chí xác định cách thức phát triển phù hợp để vừa nâng cao chất lượng và khả năng hội nhập, vừa duy trì giá trị và định hướng nghiên cứu của lĩnh vực.

Bài viết tập trung vào hai vấn đề: (i) phân tích những yêu cầu cốt lõi của chuẩn Scopus và WoS đối với tạp chí khoa học giáo dục; và (ii) sử dụng Tạp chí khoa học giáo dục Trường ĐHSPHN - HNUE Journal of Educational Science (JoES) làm trường hợp nghiên cứu để nhận diện lợi thế, khoảng cách và các nhóm giải pháp ưu tiên hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng và gia nhập các hệ thống chỉ mục quốc tế.

2. Nội dung

2.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng tạp chí khoa học giáo dục theo chuẩn Scopus và Web of Science

Từ chuẩn hóa hình thức sang quản trị chất lượng. Các tiêu chí đánh giá của các hệ thống chỉ mục quốc tế thường được trình bày dưới dạng một tập hợp các yêu cầu riêng biệt. Tuy nhiên, khi vận dụng vào quá trình phát triển tạp chí, không nên xem đây là những điều kiện độc lập mà cần nhìn nhận như một hệ thống năng lực có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Trước hết là những điều kiện nền tảng như mã số xuất bản phẩm quốc tế (ISSN), tính ổn định của lịch xuất bản, quy trình phản biện rõ ràng, thông tin về tiêu đề và tóm tắt bằng tiếng Anh, chính sách đạo đức xuất bản, thông tin minh bạch về đội ngũ biên tập và khả năng truy cập đầy đủ nội dung trực tuyến. Trên nền tảng đó là các yêu cầu về chất lượng học thuật và tính nhất quán của nội dung, sự phù hợp với tôn chỉ và phạm vi, năng lực và uy tín của tổng biên tập và hội đồng biên tập, mức độ đa dạng của đội ngũ tác giả, khả năng phát hiện và tiếp cận bài báo trên môi trường số, cũng như bằng chứng về ảnh hưởng học thuật thông qua trích dẫn [1, 2]. Vì vậy, một tạp chí có thể đã xây dựng đầy đủ các chính sách và công bố trên website nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nếu các chính sách đó chưa được triển khai nhất quán trong thực tế hoặc không có dữ liệu đủ tin cậy để chứng minh hiệu quả vận hành. Việc Quý Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) năm 2025 sử dụng các nhóm Q1–Q3 theo SCImago để xác định danh mục

tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn cũng cho thấy hoạt động đánh giá trong nước đang ngày càng gắn với chất lượng và vị thế của tạp chí trong hệ thống xuất bản khoa học quốc tế [4].

Tuy nhiên, với mục tiêu Scopus/WoS, các điều kiện kỹ thuật mới là nền tảng. Trọng tâm đánh giá chuyển sang tính nhất quán của quy trình, chất lượng chọn lọc, sự đa dạng của tác giả và biên tập viên, tính đúng hạn, độ tin cậy của website, metadata và mức độ ảnh hưởng học thuật [1, 2].

Đặc thù của khoa học giáo dục. Nghiên cứu giáo dục thường gắn với bối cảnh hệ thống giáo dục, văn hóa, chính sách và nhóm người học cụ thể. Một nghiên cứu về chương trình giáo dục phổ thông, đào tạo giáo viên hoặc quản trị nhà trường ở Việt Nam vẫn có giá trị quốc tế nếu câu hỏi nghiên cứu được khái quát hóa, phương pháp đủ chặt chẽ và kết quả được đặt trong đối thoại với lý thuyết và bằng chứng quốc tế. Vì vậy, quốc tế hóa không đồng nghĩa với loại bỏ chủ đề Việt Nam hoặc đơn thuần tăng số bài tiếng Anh; mục tiêu là nâng khả năng đối thoại quốc tế của dữ liệu và vấn đề Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu đa dạng, từ định lượng, định tính, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu hành động, nghiên cứu thiết kế, nghiên cứu lịch sử, phân tích diễn ngôn đến phương pháp hỗn hợp. Do đó, chất lượng quốc tế không đồng nghĩa với việc mọi bài báo phải sử dụng cùng một thiết kế nghiên cứu, cùng một loại dữ liệu hay cùng một cấu trúc trình bày. Mỗi nghiên cứu yêu cầu cần phải xác lập được vấn đề và câu hỏi nghiên cứu rõ ràng, lựa chọn phương pháp phù hợp, trình bày minh bạch nguồn dữ liệu và cách thức phân tích, đặt kết quả trong mối liên hệ với các nghiên cứu trước và chỉ ra được đóng góp có cơ sở đối với lĩnh vực.

Một điểm cần xem xét trong quá trình chuẩn hóa bài viết của Tạp chí là việc sử dụng cấu trúc Giới thiệu – Phương pháp – Kết quả – Thảo luận (IMRaD) như một biểu hiện của chuẩn hóa học thuật. Đối với các nghiên cứu thực nghiệm trong

khoa học giáo dục, đặc biệt là nghiên cứu định lượng, cấu trúc này có ưu điểm trong việc làm rõ thiết kế nghiên cứu, quy trình thu thập và phân tích dữ liệu, kết quả và cách diễn giải, qua đó nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận của bài viết. Tuy nhiên, Scopus không quy định IMRaD là cấu trúc bắt buộc đối với mọi loại bài báo [1]. Với các nghiên cứu lý thuyết, lịch sử giáo dục, phân tích văn bản hoặc nghiên cứu định tính chuyên sâu, việc áp dụng cứng nhắc cấu trúc này có thể không phù hợp với logic lập luận của lĩnh vực.

Tính học thuật và chất lượng nội dung. Bài viết cần thể hiện rõ vấn đề nghiên cứu, khoảng trống tri thức, đóng góp mới, nền tảng lý thuyết, thiết kế phương pháp, dữ liệu, phân tích, thảo luận và giới hạn. Đối với khoa học giáo dục, cần đặc biệt hạn chế các nghiên cứu chỉ mô tả một trường hợp nhỏ nhưng khái quát quá rộng trong nhận định khoa học và tên đề tài. Đồng thời khuyến khích nghiên cứu so sánh, tổng quan hệ thống, nghiên cứu phương pháp và nghiên cứu có dữ liệu hoặc công cụ có khả năng tái sử dụng.

Chuẩn biên tập và phản biện. Một tạp chí có chất lượng phải kiểm soát toàn bộ vòng đời bản thảo: sàng lọc ban đầu; kiểm tra tính nguyên gốc và đạo đức; phân công biên tập viên phù hợp; lựa chọn phản biện độc lập; kiểm soát chất lượng phản biện; theo dõi sửa chữa; biên tập học thuật và ngôn ngữ; kiểm tra tài liệu tham khảo và metadata; duyệt bản cuối; và xử lý đính chính/rút bài khi cần. Các chỉ số thời gian và tỷ lệ từ chối cần được đo lường theo năm để chứng minh hiệu quả vận hành.

Chất lượng tiếng Anh cũng cần được nhìn nhận như một bộ phận của chất lượng học thuật, thay vì chỉ giới hạn ở việc sửa lỗi ngữ pháp và diễn đạt. Một bài viết có thể được chuyển ngữ chính xác nhưng vẫn khó tiếp cận với độc giả quốc tế nếu chưa xác định rõ khoảng trống nghiên cứu, chưa gắn kết với các tranh luận hiện hành hoặc sử dụng thuật ngữ thiếu nhất quán. Đối với HNUC, biên tập tiếng Anh vì vậy cần được thực hiện theo hướng biên tập học thuật, bao gồm xem xét tiêu đề, tóm

tất, từ khóa, thuật ngữ chuyên ngành, tính mạch lạc của lập luận và cách trình bày đóng góp của nghiên cứu. Yêu cầu này đặt ra nhu cầu xây dựng đội ngũ biên tập tiếng Anh có năng lực ngôn ngữ đồng thời có hiểu biết về khoa học giáo dục và khoa học xã hội, hoặc có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa biên tập viên ngôn ngữ và biên tập viên chuyên môn. Mục tiêu cuối cùng không chỉ là một bản tiếng Anh đúng ngữ pháp mà là một bài báo có thể được đọc, hiểu và trao đổi một cách chuyên nghiệp trong cộng đồng học thuật quốc tế.

Đạo đức xuất bản và đạo đức nghiên cứu.

Ngoài các yêu cầu chung về đạo văn, xung đột lợi ích, tư cách tác giả, công bố trùng lặp và sử dụng AI, tạp chí khoa học giáo dục cần có hướng dẫn rõ về nghiên cứu với học sinh, trẻ em và nhóm dễ bị tổn thương; đồng thuận tham gia; bảo mật dữ liệu cá nhân và dữ liệu trường học; phê duyệt đạo đức khi áp dụng; và tuyên bố về khả năng truy cập dữ liệu. Đây là nội dung trực tiếp liên quan đến độ tin cậy của nghiên cứu và tính liêm chính của tạp chí.

Quốc tế hóa và ảnh hưởng. Tính quốc tế cần được thể hiện đồng thời ở Hội đồng biên tập, mạng lưới phản biện, phân bố địa lý của tác giả và khả năng tham gia vào các cuộc đối thoại học thuật quốc tế. Trích dẫn là một tín hiệu về vị thế tạp chí nhưng không nên được tạo ra bằng yêu cầu trích dẫn nội bộ. Ảnh hưởng bền vững đến từ chủ đề có ý nghĩa, bài viết có giá trị tái sử dụng, tiêu đề - tóm tắt - từ khóa tốt, metadata đầy đủ, khả năng lập chỉ mục và truyền thông học thuật sau xuất bản.

Giá trị quốc tế của một nghiên cứu về một trường hợp cụ thể không nằm ở việc loại bỏ tính đặc thù của trường hợp đó, mà ở khả năng sử dụng trường hợp cụ thể để bổ sung bằng chứng, kiểm chứng, mở rộng hoặc đặt lại những vấn đề đang được thảo luận trong cộng đồng học thuật. Ngược lại, một bài viết bằng tiếng Anh hoặc có đồng tác giả nước ngoài chưa chắc đã đạt chất lượng quốc tế nếu câu hỏi nghiên cứu chưa rõ, phương pháp còn hạn chế hoặc kết quả chỉ lặp lại những tri thức đã được xác lập. Vì vậy, quốc tế hóa

nội dung trước hết là quốc tế hóa cách đặt vấn đề và khả năng đối thoại học thuật, chứ không chỉ là quốc tế hóa ngôn ngữ hay thành phần tác giả.

Như vậy, đối với tạp chí khoa học giáo dục, yêu cầu hội nhập quốc tế có thể quy về bốn năng lực cốt lõi: (1) quản trị học thuật và đạo đức đáng tin cậy; (2) tuyển chọn nội dung có đóng góp và phương pháp tốt; (3) xây dựng cộng đồng tác giả - biên tập viên - phản biện có tính mở và quốc tế; và (4) quản trị dữ liệu xuất bản, khả năng hiển thị và ảnh hưởng một cách có hệ thống. Đây cũng là khung phân tích phù hợp để xem xét trường hợp JoES.

Nhìn tổng thể, các tiêu chuẩn của Scopus và WoS có thể được sử dụng như một khung tham chiếu để xây dựng và nâng cao năng lực xuất bản của Tạp chí. Đối với khoa học xã hội và khoa học giáo dục, quá trình nâng chuẩn cần bắt đầu từ chất lượng của từng công trình, thể hiện qua việc xác định vấn đề và câu hỏi nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý thuyết phù hợp, lựa chọn phương pháp và dữ liệu có cơ sở, bảo đảm tính chặt chẽ của phân tích và làm rõ đóng góp của nghiên cứu. Những yêu cầu này cần được triển khai trong một hệ thống xuất bản có quy trình biên tập và phản biện minh bạch, độc lập, nhất quán và có khả năng kiểm chứng. Trên nền tảng đó, Tạp chí có thể từng bước mở rộng mạng lưới tác giả, phản biện và biên tập viên quốc tế, nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các công trình đã công bố, qua đó hình thành ảnh hưởng học thuật một cách tự nhiên và bền vững.

2.2. Trường hợp HNUE Journal of Educational Science (JoES): hiện trạng, khó khăn và định hướng phát triển

Nền tảng và lợi thế hiện có. JoES có ISSN 2354-1075, xuất bản trực tuyến, gắn DOI và công khai quy trình nộp bài. Quy trình xuất bản của tạp chí mô tả sàng lọc ban đầu, phản biện kín hai chiều với ít nhất hai phản biện độc lập, có thể sử dụng phản biện thứ ba khi ý kiến khác biệt, sau đó là các bước biên tập, hiệu đính và hoàn thiện bản xuất

bản [4, 5]. Đây là nền tảng thuận lợi để tiếp tục chuẩn hóa theo yêu cầu của Scopus, WoS và Thông tư 27/2025/TT-BKHCN. Các tuyên bố về chính sách, quy trình, đạo đức xuất bản, kinh phí hỗ trợ xuất bản được tuyên bố công khai, rõ ràng.

Quy mô công bố: Năm 2025, JoES xuất bản 138 là bài nghiên cứu, phân bố trong 8 mục số lưu trữ gồm 7 số thường kỳ và 1 số 1A. Số lượng công bố này cho thấy thách thức của JoES không nằm ở việc thiếu bản thảo, mà ở việc chuyển “quy mô xuất bản” thành “năng lực chọn lọc” thông qua tăng chất lượng bản thảo đầu vào, đo lường tỷ lệ từ chối, giảm thời gian xử lý và mở rộng nguồn tác giả ngoài cơ quan chủ quản.

Hội đồng biên tập: Danh sách Editorial Committee công khai của JoES có 14 thành viên, trong đó 11 người không thuộc HNUE, tương đương khoảng 78,6%, và có sự tham gia của học giả đang làm việc tại nhiều cơ sở ngoài Việt Nam [6]. Đây là lợi thế quan trọng về tính độc lập và mạng lưới. Tuy nhiên, để tận dụng lợi thế này JoES đang đặt ra nhiệm vụ cần gắn mỗi thành viên với trách nhiệm thực chất như xử lý bản thảo, giới thiệu phản biện, phát triển chuyên đề, thu hút bài chất lượng và kết nối mạng lưới học thuật.

Khó khăn 1 - Mâu thuẫn giữa tính địa phương và yêu cầu quốc tế hóa: Đối với Tạp chí khoa học giáo dục Trường ĐHSPHN, phần lớn các nghiên cứu hướng tới những vấn đề gắn với Việt Nam, như giáo dục phổ thông, đào tạo giáo viên, chương trình và phương pháp dạy học, ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý giáo dục, quản lý giáo dục và các vấn đề xã hội. Đây là những nội dung phù hợp với định hướng và thế mạnh chuyên môn của Nhà trường, nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu làm rõ giá trị và khả năng đóng góp của nghiên cứu đối với cộng đồng học thuật rộng hơn.

Thách thức đối với Tạp chí vì vậy không nằm ở việc thay thế các chủ đề nghiên cứu về Việt Nam bằng những chủ đề mang tính quốc tế, mà ở việc nâng cao cách đặt vấn đề, phát triển khung lý thuyết và lập luận khoa học để các nghiên cứu về

Việt Nam có thể tham gia vào những trao đổi học thuật rộng hơn. Ví dụ, một nghiên cứu về giáo dục Việt Nam không chỉ dừng ở việc mô tả thực trạng mà cần làm rõ đóng góp của nghiên cứu trong việc hiểu các vấn đề toàn cầu về chương trình giáo dục, năng lực giáo viên/người học, quản trị giáo dục hay công bằng trong giáo dục...

Khó khăn 2 - Rào cản về ngôn ngữ: Việc gia tăng các bài viết bằng tiếng Anh là một yêu cầu quan trọng trong quá trình quốc tế hóa Tạp chí. Tuy nhiên, đối với các chuyên san khoa học xã hội và khoa học giáo dục, khó khăn không chỉ nằm ở khả năng sử dụng tiếng Anh mà còn ở việc chuyển tải chính xác các khái niệm, thuật ngữ và lập luận gắn với bối cảnh Việt Nam sang diễn ngôn học thuật quốc tế.

Một số khái niệm trong giáo dục, văn hóa, ngôn ngữ và khoa học xã hội có nội hàm phụ thuộc đáng kể vào bối cảnh. Do đó, việc chuyển từ tiếng Việt sang tiếng Anh không thể chỉ dừng ở khâu dịch thuật và hiệu đính ngữ pháp. Tạp chí cần từng bước nâng cao chất lượng biên tập học thuật bằng tiếng Anh, đồng thời hỗ trợ tác giả trong việc chuẩn hóa thuật ngữ, trình bày khái niệm và định vị vấn đề nghiên cứu trong hệ thống tài liệu quốc tế.

Khó khăn 3 - quốc tế hóa nguồn bài và phản biện. Scopus không chỉ đánh giá tính quốc tế chỉ bằng tên thành viên Hội đồng biên tập mà sự phân bố địa lý của tác giả và vị thế của tạp chí trong cộng đồng học thuật cũng là tín hiệu quan trọng [1]. Vì vậy, JoES cần chuẩn hóa hai chỉ số: tỷ lệ bài có ít nhất một tác giả thuộc cơ quan ngoài Việt Nam và tỷ lệ bài có tác giả liên hệ ngoài HNUE. Song song, cần xây dựng ngân hàng phản biện theo lĩnh vực, phương pháp, cơ quan, quốc gia, lịch sử phản biện, thời gian hoàn thành, chất lượng nhận xét và xung đột lợi ích.

Khó khăn 4 - khả năng hiển thị và ảnh hưởng. JoES đang trong quá trình hình thành hệ thống theo dõi bài báo sau xuất bản: citations theo DOI, lượt đọc/tải, nguồn truy cập, liên kết từ mạng học thuật và dẫn chiếu trong tài liệu chính sách

hoặc đào tạo giáo viên. Đối với khoa học giáo dục, tác động tới thực hành và chính sách cũng là một lớp ảnh hưởng bổ sung quan trọng bên cạnh citation metrics.

Nhóm giải pháp ưu tiên về quốc tế hóa nguồn bài và nâng chất lượng học thuật. Nguồn bài quốc tế nên được xây dựng từ mạng lưới học thuật của Hội đồng biên tập, các khoa chuyên môn, nhóm nghiên cứu, chương trình hợp tác quốc tế, cựu người học và đối tác đào tạo. Mỗi năm Tạp chí dự kiến phát triển 2-3 chuyên mục/chuyên đề (special theme) tiếng Anh có chủ đề hẹp và có nhu cầu quốc tế như Teacher Education in the Global South, AI and Educational Transformation, Inclusive Education in Asia, Curriculum Reform and Teacher Agency, Assessment and Learning Analytics. Guest Editor phải có nhiệm vụ rõ và chịu trách nhiệm trước Ban biên tập về chất lượng học thuật. Tạp chí cũng đang đẩy mạnh phối hợp với các hội thảo quốc tế uy tín do Trường ĐHSP Hà Nội chủ trì cùng các trường đại học quốc tế đối tác để tăng lượng bài quốc tế chất lượng. Tuy nhiên, Tạp chí xác định không xuất bản các số đặc biệt với nội dung là các báo cáo tham gia một Hội thảo khoa học cụ thể.

Tạp chí đã và đang phối hợp các chuyên gia quốc tế để thực hiện các workshop về phương pháp viết báo để vừa quảng bá về tạp chí đồng thời có thêm các ý kiến chuyên gia nâng cao chất lượng tạp chí. Bên cạnh đó, tạp chí đang đẩy mạnh phối hợp với các đơn vị chuyên môn để tiếp nhận học giả quốc tế tới Trường làm việc theo các chương trình Fullbright, Erasmus để có thể cộng tác lâu dài cùng tạp chí trong quá trình tổ chức xuất bản, hiệu đính, biên tập tiếng Anh.

Ưu tiên về chất lượng đầu vào: Desk review cần đánh giá đồng thời mức độ phù hợp phạm vi, câu hỏi nghiên cứu, đóng góp mới, nền tảng lý thuyết, thiết kế phương pháp, đạo đức nghiên cứu và khả năng đối thoại với cộng đồng học thuật quốc tế. Đối với bài tiếng Anh, cần tách rõ biên tập học thuật và biên tập ngôn ngữ; hiệu đính tiếng

Anh chỉ có thể nâng chất lượng diễn đạt, không thể thay thế chất lượng câu hỏi, phương pháp và lập luận.

Cập nhật liên tục ngân hàng phản biện theo các chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu. Mỗi phản biện nên được gắn với các trường dữ liệu: lĩnh vực chuyên môn, phương pháp nghiên cứu, cơ quan, quốc gia, lịch sử phản biện, thời gian hoàn thành, chất lượng nhận xét và xung đột lợi ích. Tạp chí bước đầu có cơ chế ghi nhận phản biện thông qua thư cảm ơn, và dự kiến tri ân phản biện thông qua các giấy chứng nhận, báo cáo đóng góp hằng năm và ưu tiên mời tham gia seminar/chuyên đề học thuật.

Nhóm giải pháp ưu tiên về trích dẫn và khả năng được tìm thấy. Tăng trích dẫn (citedness) cần thực hiện đồng thời qua bốn lớp: lựa chọn chủ đề có nhu cầu quốc tế mà Nhà trường có lợi thế dữ liệu và nghiên cứu; cải thiện chuẩn hóa và nâng cao chất lượng tiêu đề bài viết, tóm tắt, từ khóa và metadata nhằm tăng khả năng nhận diện, truy xuất và hiển thị của bài báo trên các cơ sở dữ liệu học thuật và công cụ tìm kiếm; phát triển hình thức gia tăng khả năng lan tỏa sau xuất bản như xây dựng research highlights, seminar và truyền thông sau xuất bản; điều chỉnh cơ cấu bài theo hướng tăng systematic review, scoping review, methodological article, comparative study và nghiên cứu có dữ liệu/công cụ có thể tái sử dụng. Đặc biệt, Tạp chí hiện không đặt KPI tự trích dẫn và không gán quyết định học thuật với yêu cầu trích dẫn nội bộ.

3. Kết luận

Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học giáo dục theo chuẩn Scopus và Web of Science là quá trình phát triển một thiết chế xuất bản đáng tin cậy, không phải hoạt động hoàn thiện hồ sơ trong thời gian ngắn. Các chuẩn quốc tế chỉ tạo giá trị khi được chuyển hóa thành chất lượng tuyển chọn bản thảo, phản biện nghiêm túc, đảm bảo đạo đức nghiên cứu, dữ liệu xuất bản minh bạch và ảnh hưởng có thể kiểm chứng.

Trường hợp JoES cho thấy Trường ĐHSPHN đã có nhiều cơ sở thuận lợi quan trọng: ISSN, DOI, xuất bản trực tuyến, phản biện kín hai chiều với ít nhất hai phản biện, Hội đồng biên tập có tỷ lệ thành viên ngoài cơ quan chủ quản cao và quy mô công bố đáng kể. Các bước đi tiếp theo là nâng cao quản trị dữ liệu, quốc tế hóa tác giả - phản biện, metadata, khả năng trích dẫn.

Với lợi thế chuyên môn của một trường đại học sư phạm trọng điểm, Tạp chí JoES tiếp tục định vị rõ hơn trong các chủ đề đào tạo giáo viên, đổi mới chương trình, đánh giá, công nghệ và AI trong giáo dục, giáo dục hòa nhập và nghiên cứu so sánh. Mục tiêu cuối cùng của Tạp chí không chỉ là “được vào Scopus/WoS”, mà là xây dựng một tạp chí khoa học giáo dục có vị thế, uy tín, được cộng đồng tin cậy, gửi công trình tốt, trích dẫn tự nhiên và sử dụng tích cực trong nghiên cứu, chính sách và thực hành giáo dục khác.

Tuyên bố về việc sử dụng AI tạo sinh

Trong quá trình chuẩn bị bài viết, AI chỉ được sử dụng để hỗ trợ tổng hợp và thống kê số liệu liên quan; AI không được sử dụng để tạo lập nội dung, lập luận hoặc kết luận của bài viết.

Tài liệu tham khảo

- [1] Elsevier. Scopus content policy and selection. <https://www.elsevier.com/products/scopus/content/content-policy-and-selection>. Truy cập ngày 10/8/2026.
- [2] Clarivate. Web of Science Core Collection journal evaluation process and selection criteria. <https://clarivate.com/academia-government/scientific-and-academic-research/research-discovery-and-referencing/web-of-science/web-of-science-core-collection/editorial-selection-process/journal-evaluation-process-selection-criteria/>. Truy cập ngày 10/8/2026.
- [3] Bộ Khoa học và Công nghệ. (2025). Thông tư số 27/2025/TT-BKHCN ngày 31/10/2025 quy định về bài báo khoa học và đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học Việt Nam.
- [4] Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED). (2025). Ban hành Danh mục tạp chí quốc tế có uy tín áp dụng trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật và khoa học xã hội và nhân văn, ngày 29/5/2025.
- [5] HNUE Journal of Science: Educational Sciences. About HNUE Journal of Science: Educational Sciences. <https://hnuejs.edu.vn/es/about-hnuejs-es>. Truy cập ngày 10/8/2026.
- [6] HNUE Journal of Science: Educational Sciences. Publishing process. <https://hnuejs.edu.vn/es/publishing-process>. Truy cập ngày 10/8/2026.